TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĐ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Ông Dương Văn Vườn

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST - HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: TTK, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1978.

Nơi cư trú: thôn Y, xã YD, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: THQ và bà: HTQ; có vợ là: TTPL; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền sự: không.

Tiền án: 01 tiền án: Năm 2017, bị TAND huyện TT, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2018, hiện chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Năm 2014, bị TAND thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội 'trộm cắp tài sản". K đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bán án số: 25/2019/HSST ngày 14/3/2019, TAND huyện SD, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội "trộm cắp tài sản". Bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo đang chấp hành án.

Bị cáo bị bắt tam giữ, tạm giam từ 18/10/2018 (theo lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng huyện SD, tỉnh Tuyên Quang), hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Quyết Tiến, C10, Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh TVK, sinh năm 1978, có mặt.

Nơi cư trú: thôn HT, xã NL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h ngày 01/10/2018, TTK ở thôn YT, xã YD, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, đem theo 04 chiếc chìa khóa xe mô tô các loại để trong túi quần, rồi đi lên khu vực chợ DT thuộc thôn TP, xã DT, huyện TĐ để xem có ai sơ hở trộm cắp tài sản. Đến cổng chợ DT, K một mình đi vào trong chợ, rồi vào quán bán hàng ăn sáng của chị LTT để vừa ăn sáng vừa quan sát có ai để xe sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 8h cùng ngày, K quan sát thấy anh TVK, sinh năm 1978, ở thôn HT, xã NL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave màu sơn đen, tem đuôi cá, BKS 22S1-024.56, trong cốp xe để 01 bộ quần áo mưa màu đen đến dựng xe ở phía trước cửa quán - cách chỗ Kiên khoảng 10m - sau đó anh Kh đi vào quán chị T ăn sáng. Lợi dụng lúc anh Kh ngồi ăn quay mặt vào phía trong, quay lưng ra phía ngoài không để ý trông xe, K đứng dậy đi đến chỗ xe mô tô BKS 22S1-024.56 của anh Kh, rồi lấy chìa khóa giấu trong túi quần ra cắm vào ổ khóa và mở được khóa điện của xe. Sau đó, K quay đầu xe rồi ngồi lên xe nổ máy đi về khu vực thuộc xã TL, huyện YL. Tại đây, K gặp một người nam giới khoảng 40 tuổi (K không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) K nói với người này là K muốn bán chiếc xe đang đi, xe K trộm cắp ở chợ xã DT, huyện TD thì người này đồng ý mua, sau đó cả hai mở cốp xe kiểm tra phát hiện trong cốp có 01 bộ quần áo mưa màu đen ngoài ra không có tài sản gì khác. Kiểm tra xong cả hai đóng cốp lại và người nam giới này trả K 3.300.000, K cầm tiền đi về và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe.

Ngày 21/11/2018, anh TVK có đơn trình báo việc anh bị kẻ gian trộm cắp xe ngày 01/10/2018 tại chợ xã DT, huyện TD để điều tra làm rõ.

Ngày 26/11/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với 01 xe mô tô BKS 22 S1-024.56 và 01 bộ quần áo mưa màu đen, đã cũ đã qua sử dụng. Tại biên bản họp định giá tài sản xác đinh: xe mô tô BKS 22S1-024.56 là 2.500.000đ, 01 bộ quần áo mưa là 150.000đ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 765/KL-HĐĐG ngày 29/11/2018, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện TĐ kết luận: Giá trị thiệt hại của tài sản là 2.650.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo K khai: sáng ngày 01/10/2018, có rủ NVQ – bạn ở cùng thôn- cùng K đi trộm cắp xe máy tại chợ xã ĐT, huyện TĐ. Q là người điều khiển xe mô tô BKS 88S5 – 3468 đèo K lên xã ĐT, Q là người cảnh giới để K trộm cắp, số tiền bán xe K chia cho Quân 1.650.000đ.

Quá trình điều tra, Q xác định: sáng ngày 01/10/2018, Q không cùng K đi

trộm cắp xe máy tại chợ xã DT, huyện TĐ và Q chưa bao giờ đi cùng K lên khu vực chợ xã ĐT, huyện TĐ. Những người làm chứng là NXH, NTT (thôn YT, xã YD) đều xác nhận Q làm nghề thu mua sắt vụt, thời gian trên Q đang đi thu mua sắt vụn. Như vậy, ngoài lời khai của K thì không có nhân chứng nào trực tiếp nhìn thấy Q đi cùng Kiên trộm cắp tài sản ngày 01/10/2018, do vậy không có cơ sở để xác định Q có đồng phạm với K trong vụ án này như K đã khai. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ không đề cập xử lý đối với Q.

Đối với người nam giới là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 22S1-024.56 của K. Do K không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể nên CQCSĐT - Công an huyện TĐ không có cơ sở để xác minh nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88S5-3468 và 04 chiếc chìa khóa các loại, ngày 01/10/2018 K sử dụng làm phương tiện và công cụ đi trộm cắp tài sản, đã bị Công huyện SD, tỉnh Tuyên Quang thu giữ và đã giải quyết xong tại bản án số 25 ngày 14/3/2019 nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Về vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 22S1 - 024.56 và 01 bộ quần áo mưa màu đen, sau khi trộm cắp được TTK mang bán cho một người nam giới K không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực đường bê tông thuộc thôn 1, xã TL, huyện YL. Do K không biết tên tuổi địa chỉ của người này nên Cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác minh, thu giữ nên không đề cập giải quyết.

Về mặt dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo K và bị hại là anh TVK thỏa thuận: Bị cáo K bồi thường cho anh Kh chiếc xe mô tô BKS 22S1-024.56 và 01 bộ áo mưa màu đen, trị giá bằng tiền là 10.000.000đ.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xe máy tại chợ xã DT, huyện TĐ, TTK tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe máy) tại địa bàn huyện SD, tỉnh Tuyên Quang và bị Công an huyện SD bắt giữ. Cơ quan CSĐT Công an huyện SD đã làm rõ trong 2 năm 2017 và năm 2018, K và đồng bọn đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25 ngày 14/3/2019 của TAND huyện SD tỉnh Tuyên Quang đã xử phạt K 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, hiện án đã có hiệu lực pháp luật đối với K.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ truy tố TTK về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo luận tội đối với bị cáo K, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự đối với bị cáo K.

Xử phạt bị cáo K từ 09 đến 12 tháng tù; tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 25/2019/HSST của TAND huyện SD, tỉnh Tuyên Quang, buộc K phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù.

Buộc bị cáo K phải bồi thường cho anh Kh số tiền 10.000.000đ.

Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo TTK khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã trộm cắp của anh TVKh 01 chiếc xe máy BKS 22S1 – 024.56 và 01 bộ áo mưa vào ngày 01/10/2018 tại khu vực chợ DT, xã DT, huyện TĐ, như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: bị cáo TTK phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định*: "1) Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

3. Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của người dân để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhằm phục vụ cho nhu cầu ích kỷ của bản thân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng phạm tội xâm phạm sở hữu chưa được xóa án tích nên phải chịu tính tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Trước và sau thời điểm phạm tội, bị cáo còn liên tiếp gây ra các vụ trộm cắp tại địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, cần phạt bị cáo một mức án tù nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HSST ngày 14/3/2019 của TAND huyện SD tỉnh Tuyên Quang đã xử phạt Kiên 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản,

bản án đã có hiệu lực pháp luật đối với K. Do vậy, cần tổng hợp hình phạt theo quy định.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *" Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ"*. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo thấy rằng: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản riêng có giá trị, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Đối với NVQ, quá trình điều tra xác định: Q không cùng K đi trộm cắp xe máy tại chợ xã DT, huyện TĐ. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ không đề cập xử lý đối với Q là phù hợp.

Đối với người nam giới là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 22S1-024.56 của K. Do K không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể nên CQCSĐT - Công an huyện TĐ không có cơ sở để xác minh nên không đề cập xử lý là đúng.

5. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88S5-3468 và 04 chiếc chìa khóa các loại, ngày 01/10/2018 K sử dụng làm phương tiện và công cụ đi trộm cắp tài sản, đã bị Công huyện SD, tỉnh Tuyên Quang thu giữ và đã giải quyết xong tại bản án số 25 ngày 14/3/2019 nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là đúng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 22S1 - 024.56 và 01 bộ quần áo mưa màu đen, sau khi trộm cắp được TTK mang bán cho một người nam giới K không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực đường bê tông thuộc thôn 1, xã TL, huyện YL. Do K không biết tên tuổi địa chỉ của người này nên Cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác minh, thu giữ nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

Về mặt dân sự: Xét việc anh TVKh và bị cáo K đã thỏa thuận việc bồi thường 10.000.000đ đối với chiếc xe mô tô BKS 22S1-024.56 và 01 bộ áo mưa màu đen là tự nguyện nên được chấp nhận.

6. Về án phí: Bị cáo TTK phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015. Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTHQH14 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên bố: Bị cáo TTK phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: TTK 01 năm tù. Tổng hợp với 03 năm tù của bán án số 25/2019/HSST ngày 14/3/2019 của TAND huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt của cả 02 bản án là: 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc TTK phải bồi thường cho anh TVKh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu TTK không bồi thưởng đủ số tiền 10.000.000đ theo quyết định nêu trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: TTK phải chịu nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện TĐ;*
- *CCTHADS huyện TĐ;*
- *Công an huyện TĐ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *UBND xã YD;*
- *Bị cáo, Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thành Công